

Số: 484/QĐ-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành chương trình đào tạo
trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường về việc thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ các ngành: Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Hệ thống thông tin quản lý (có chương trình kèm theo).

Điều 2. Chương trình được áp dụng vào giảng dạy, học tập từ Khóa 4 trình độ đại học, hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị chức năng và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT; QLĐT.



TS. Đỗ Thị Thanh Vân

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)*

Tên chương trình: Tài chính-Ngân hàng
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Tài chính-Ngân hàng
Mã ngành: 5234021
Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. *Kiến thức:* Cử nhân Tài chính-Ngân hàng được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá, hoạt động của cơ quan thuế; nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường; có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

1.2.2. *Kỹ năng:* Có kỹ năng trên tất cả các mặt hoạt động của lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế, tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày.

1.2.3. *Thái độ:* Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; chấp hành pháp luật Nhà nước; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.2.4. *Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:* Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính-Ngân hàng từ Trung ương đến địa

phương; chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính-Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian; giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh-quản lý và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 124 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (*có quy định riêng*).

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi, xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Tài chính-QTKD.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4, kết hợp với thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình:

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành : 18 tín chỉ

7.2.3. Kiến thức ngành: 12-16 tín chỉ

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành: 14-18 tín chỉ

7.2.5. Kiến thức bổ trợ : 22-24 tín chỉ

7.2.6. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3. Chương trình đào tạo

7.3.1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

87

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

6

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

18

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
4	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 16 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001342	Tài chính-Tiền tệ HP2	2 (2,0)
2	001032	Thị trường chứng khoán	2 (2,0)
3	001390	Tài chính doanh nghiệp HP1	3 (3,0)
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3 (3,0)
5	001400	Bảo hiểm	3 (3,0)
6	001350	Thuế	3 (3,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 14 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001440	Tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
2	001452	Tài chính doanh nghiệp HP3	3 (2,1)
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3 (3,0)
5	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2 (1,1)

V. Kiến thức bổ trợ: 23 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>18</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	004304	Tin học ứng dụng trong tài chính	3 (2,1)
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
6	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3 (3,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
2	001470	Tài chính quốc tế	2 (2,0)
3	001262	Quản lý tài chính công	2 (2,0)
4	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3 (2,1)
5	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2 (2,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3.2. Chuyên ngành Ngân hàng

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
4	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 13 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001342	Tài chính-Tiền tệ HP2	2 (2,0)
2	001032	Thị trường chứng khoán	2 (2,0)
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3 (3,0)
5	001400	Bảo hiểm	3 (3,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3 (2,1)
2	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2 (2,0)
3	001183	Quản trị kinh doanh ngân hàng	2 (2,0)
4	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3 (3,0)
5	001410	Kế toán ngân hàng thương mại HP1	3 (3,0)
6	001503	Kế toán ngân hàng thương mại HP2	3 (3,0)
7	001192	Hệ thống thông tin ngân hàng	2 (1,1)

V. Kiến thức bổ trợ: 22 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>17</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	001470	Tài chính quốc tế	2 (2,0)
3	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
5	005142	Thẩm định giá bất động sản	3 (3,0)
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	001262	Quản lý tài chính công	2 (2,0)
3	002052	Kiểm toán căn bản	2 (2,0)
4	001350	Thuế	3 (3,0)
5	003281	Quản trị dự án	3 (3,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3.3. Chuyên ngành Thẩm định giá

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
4	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 13 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
2	001342	Tài chính-Tiền tệ HP2	2 (2,0)
3	001032	Thị trường chứng khoán	2 (2,0)
4	005062	Nguyên lý hình thành giá	3 (3,0)
5	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2 (2,0)
2	005100	Pháp luật về định giá và thẩm định giá	2 (2,0)
3	005142	Thẩm định giá bất động sản	3 (3,0)
4	005152	Thẩm định giá máy móc thiết bị	2 (2,0)
5	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3 (3,0)
6	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2 (2,0)
7	005180	Định giá xây dựng	2 (2,0)
8	005172	Thẩm định giá tài sản sở hữu trí tuệ	2 (2,0)

V. Kiến thức bổ trợ: 22 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>17</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2 (2,0)
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
5	005090	Địa lý kinh tế	2 (2,0)
6	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2 (2,0)
7	005110	Hệ thống thông tin đất	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	001350	Thuế	3 (3,0)
3	002052	Kiểm toán căn bản	2 (2,0)
4	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
5	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3.4. Chuyên ngành Thuế

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
4	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 12 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001342	Tài chính-Tiền tệ HP2	2 (2,0)
2	001032	Thị trường chứng khoán	2 (2,0)
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3 (3,0)
5	001282	Lý thuyết về thuế	2 (2,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001382	Thuế tiêu dùng	3 (3,0)
2	001372	Thuế thu nhập	3 (3,0)
3	001362	Thuế tài sản và các khoản thu khác	3 (3,0)
4	001292	Quản lý thuế HP1	3 (3,0)
5	001302	Quản lý thuế HP2	2 (2,0)
6	001072	Hải quan	3 (3,0)

V. Kiến thức bổ trợ: 24 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>19</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	001262	Quản lý tài chính công	2 (2,0)
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
7	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3 (2,1)
2	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2 (2,0)
3	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2 (2,0)
4	002052	Kiểm toán căn bản	2 (2,0)
5	002122	Kế toán quản trị	3 (2,1)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)*

Tên chương trình:	Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	52340101
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng: Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực quản trị, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

1.2.3. Thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội

kinh doanh riêng cho bản thân; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 124 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (*có quy định riêng*).

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi, xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Tài chính-QTKD.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4, kết hợp với thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình:

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

7.2.3. Kiến thức ngành: 16-17 tín chỉ

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành: 15-18 tín chỉ

7.2.5. Kiến thức bổ trợ : 18-21 tín chỉ

7.2.6. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3. Chương trình đào tạo

7.3.1. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
4	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 16 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2 (2,0)
2	003272	Quản trị chiến lược	3 (3,0)
3	003322	Quản trị nhân lực	3 (3,0)
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
5	003053	Thống kê kinh tế	2 (2,0)
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3 (3,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003192	Quản trị sản xuất	3 (3,0)
2	003310	Quản trị marketing	3 (3,0)
3	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3 (3,0)
4	003262	Quản trị chất lượng	3 (3,0)
5	003281	Quản trị dự án	3 (3,0)
6	003404	Quản trị doanh nghiệp thương mại	2 (2,0)

V. Kiến thức bổ trợ: 20 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>15</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
3	003040	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2 (2,0)
4	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2 (2,0)
5	003240	Quản trị văn phòng	2 (2,0)
6	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	001350	Thuế	3 (3,0)
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
4	003230	Kinh tế phát triển	3 (3,0)
5	005082	Kinh doanh bất động sản	2 (2,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

10

7.3.2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
4	006030	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006080	Cơ sở văn hóa Việt nam	2 (2,0)
2	006050	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
3	006070	Xã hội học	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
4	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 17 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003401	Đại cương khoa học du lịch	3 (3,0)
2	003272	Quản trị chiến lược	3 (3,0)
3	003322	Quản trị nhân lực	3 (3,0)
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
5	003053	Thống kê kinh tế	2 (2,0)
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3 (3,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 15 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003409	Quản trị kinh doanh lễ hành	3 (3,0)
2	003408	Quản trị kinh doanh khách sạn	3 (3,0)
3	003411	Quản trị TOUR	3 (3,0)
4	003415	Quản trị marketing du lịch và khách sạn	3 (3,0)
5	003416	Thực hành quản trị kinh doanh du lịch	3 (0,3)

V. Kiến thức bổ trợ: 21 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>16</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
3	003402	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	2 (2,0)
4	007080	Tiếng Anh du lịch và khách sạn	3 (3,0)
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2 (2,0)
6	003414	Quy hoạch và chính sách du lịch	3 (3,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	001504	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2 (2,0)
3	003262	Quản trị chất lượng	3 (3,0)
4	001350	Thuế	3 (3,0)
5	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2 (2,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

10

7.3.3. Chuyên ngành Quản trị marketing

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
4	006030	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006080	Cơ sở văn hóa Việt nam	2 (2,0)
3	006050	Xã hội học	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
2	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
3	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
4	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 17 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003420	Nghiên cứu marketing	3 (3,0)
2	003272	Quản trị chiến lược	3 (3,0)
3	003322	Quản trị nhân lực	3 (3,0)
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
5	003053	Thống kê kinh tế	2 (2,0)
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3 (3,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003407	Quản trị kênh phân phối	3 (3,0)
2	003403	Quản trị bán hàng	3 (3,0)
3	003412	Quản trị thương hiệu	3 (3,0)
4	003421	Truyền thông Marketing tích hợp	3 (3,0)
5	003406	Quản trị giá	2 (2,0)
6	003413	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	2 (2,0)
7	003419	Marketing trên internet	2 (2,0)

V. Kiến thức bổ trợ: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>13</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3 (3,0)
4	003417	Marketing khách hàng tổ chức	2 (2,0)
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	003422	Tổ chức sự kiện	2 (2,0)
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2 (2,0)
4	003418	Marketing quốc tế	3 (3,0)
5	001350	Thuế	3 (3,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)*

Tên chương trình:	Kiểm toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kiểm toán
Mã ngành:	52340302
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán-kiểm toán; thiết kế và điều hành hệ thống kiểm toán trong các đơn vị kiểm toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

Cử nhân Kiểm toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị kiểm toán; kiến thức về tổ chức công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán; kiến thức về phân tích và quản trị tài chính; có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

1.2.2. Kỹ năng: Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp; kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp; kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán; kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; kỹ năng điều tra chọn mẫu; kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính, kỹ năng kiểm tra phát hiện sai phạm, kỹ năng tư vấn; kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh.

1.2.3. Thái độ: Có đạo đức, trung thực; có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán Nhà nước; kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, nhân viên quản lý tài chính ở các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán-kiểm toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán-kiểm toán.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi, xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Tài chính-QTKD.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình:

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 89 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành: 15 tín chỉ

7.2.3. Kiến thức ngành: 17 tín chỉ

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

7.2.5. Kiến thức bổ trợ: 23 tín chỉ

7.2.6. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3. Chương trình đào tạo (Chuyên ngành Kiểm toán)

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 89 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở của ngành: 15 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
2	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
3	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
4	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
5	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 17 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
2	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
3	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3 (3,0)
5	002122	Kế toán quản trị	3 (2,1)
6	002052	Kiểm toán căn bản	2 (2,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	002212	Kiểm toán tài chính HP1	3 (3,0)
2	002222	Kiểm toán tài chính HP2	3 (3,0)
3	002202	Kiểm toán hoạt động	3 (3,0)
4	002304	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	2 (2,0)
5	002192	Kiểm soát quản lý	2 (2,0)
6	002242	Tổ chức quá trình kiểm toán BCTC	2 (2,0)
7	002280	Thực hành kiểm toán	3 (2,1)

V. Kiến thức bổ trợ: 23 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>18</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	001350	Thuế	3 (3,0)
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3 (3,0)
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3 (2,1)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
2	002182	Kế toán ngân sách xã	2 (2,0)
3	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2 (1,1)
4	001390	Nghị vụ ngân hàng thương mại	3 (3,0)
5	002102	Kế toán NSNN và nghị vụ Kho bạc	3 (3,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)*

Tên chương trình:	Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	52340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán trong các loại hình đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian, công ty dịch vụ kế toán, ...); có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

1.2.2. Kỹ năng: Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp; các đơn vị hành chính, sự nghiệp; kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp; kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán; kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh.

1.2.3. Thái độ: Có đạo đức, trung thực; có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học:

Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 124 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi, xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Tài chính-QTKD.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình:

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

7.2.3. Kiến thức ngành: 14 tín chỉ

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ

7.2.5. Kiến thức bổ trợ : 22 tín chỉ

7.2.6. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3. Chương trình đào tạo

7.3.1. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
2	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
3	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
4	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 14 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3 (3,0)
4	002122	Kế toán quản trị	3 (2,1)
5	002052	Kiểm toán căn bản	2 (2,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
4	002132	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	2 (2,0)
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3 (0,3)
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3 (2,1)

V. Kiến thức bổ trợ: 22 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>17</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2 (1,1)
3	001350	Thuế	3 (3,0)
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3 (3,0)
5	002301	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3 (3,0)
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	005040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2 (1,1)
3	002305	Kiểm toán tài chính	3 (3,0)
4	001390	Nghị vụ ngân hàng thương mại	3 (3,0)
5	001032	Thị trường chứng khoán	2 (2,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3.2. Chuyên ngành Kế toán công

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 87 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005022	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
2	005191	Marketing căn bản	3 (3,0)
3	003251	Nguyên lý thống kê	3 (3,0)
4	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
5	003301	Quản trị học	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 14 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3 (3,0)
4	002122	Kế toán quản trị	3 (2,1)
5	002052	Kiểm toán căn bản	2 (2,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	002162	Kế toán hành chính sự nghiệp HP1	3 (3,0)
2	002172	Kế toán hành chính sự nghiệp HP2	2 (2,0)
3	002182	Kế toán ngân sách xã	2 (2,0)
4	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3 (3,0)
5	002082	Kế toán máy trong đơn vị HCSN	2 (1,1)
6	002282	Tổ chức công tác kế toán HCSN	2 (2,0)
7	002230	Thực hành kế toán HCSN	3 (0,3)

V. Kiến thức bổ trợ: 22 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>17</i>
1	004280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2 (1,1)
3	001262	Quản lý tài chính công	2 (2,0)
4	001200	Nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước	2 (2,0)
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
7	002233	Phân tích tài chính HCSN	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	003080	Kinh tế công cộng	2 (2,0)
2	001350	Thuế	3 (3,0)
3	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3 (3,0)
4	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
5	002305	Kiểm toán tài chính	3 (3,0)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)*

Tên chương trình:	Hệ thống thông tin quản lý
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo :	Hệ thống thông tin quản lý
Mã ngành:	52340405
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu, cập nhật về hệ thống thông tin; có khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc; có đủ năng lực tổ chức hệ thống thông tin để giải quyết vấn đề và tạo ra những cơ hội mới trong quản lý và quản trị kinh doanh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; có kiến thức rộng và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh của các công ty, tổ chức.

1.2.2. Kỹ năng: Có kỹ năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý; có kỹ năng giao tiếp, truyền thông kinh doanh và làm việc theo nhóm.

1.2.3. Thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; có tinh thần học tập nâng cao trình độ.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin; làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp; làm quản lý hay chuyên gia hệ thống

thông tin trong các công ty tin học, trung tâm thông tin hay công ty môi giới thông tin; làm giảng viên hệ thống thông tin quản lý trong các trường đại học.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh. Ngoài ra, có kiến thức cập nhật và chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, khai thác và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ các hoạt động quản lý và QTKD trong các công ty, tổ chức.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (*có quy định riêng*).

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi, xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Tài chính-QTKD.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 493/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình:

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 37 tín chỉ

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ.

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

7.2.3. Kiến thức ngành: 17 tín chỉ

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ

7.2.5. Kiến thức bổ trợ: 18 tín chỉ

7.2.6. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

7.3. Chương trình đào tạo (Chuyên ngành Tin học kế toán)

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	35
1	006010	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP1	2 (2,0)
2	006020	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin HP2	3 (3,0)
3	006040	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0)
4	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)
5	004301	Toán cao cấp	3 (3,0)
6	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3 (3,0)
7	004220	Mô hình toán kinh tế	2 (2,0)
8	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3 (3,0)
9	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3 (3,0)
10	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3 (3,0)
11	004040	Tin học đại cương	3 (2,1)
12	005200	Pháp luật đại cương	3 (3,0)
13	005030	Soạn thảo văn bản	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	2
1	006070	Khoa học giao tiếp	2 (2,0)
2	006050	Xã hội học	2 (2,0)
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (2,0)

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 90 tín chỉ

I. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	003011	Kinh tế học vi mô	3 (3,0)
2	003221	Kinh tế học vĩ mô	3 (3,0)

II. Kiến thức cơ sở của ngành: 18 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	005021	Pháp luật kinh tế	3 (3,0)
2	004291	Toán rời rạc	3 (3,0)
3	002011	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)
4	003301	Quản trị học	3 (3,0)
5	001330	Tài chính-Tiền tệ HP1	3 (3,0)
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3 (3,0)

III. Kiến thức ngành: 17 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	004061	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3 (3,0)
2	004261	Hệ thống thông tin quản lý	3 (3,0)
3	004092	Cơ sở lập trình	3 (2,1)
4	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3 (2,1)
5	004182	Cơ sở dữ liệu HP2	3 (2,1)
6	004303	Mạng máy tính và truyền thông	2 (2,0)

IV. Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1	004132	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3 (3,0)
2	004162	Lập trình hướng đối tượng	3 (2,1)
3	004152	Lập trình kế toán	3 (2,1)
4	004302	Lập trình web	3 (2,1)
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3 (2,1)
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3 (2,1)
7	004202	Hệ thống thông tin tài chính kế toán	3 (3,0)

V. Kiến thức bổ trợ: 18 tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>13</i>
1	4280	Excel căn bản	3 (2,1)
2	4142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2 (1,1)
3	1322	Tài chính doanh nghiệp	3 (3,0)
4	2270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3 (2,1)
5	4250	Internet và thương mại điện tử	2 (2,0)
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>5</i>
1	5040	Kinh tế quốc tế	2 (2,0)
2	2083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3 (2,1)
3	2132	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	2 (2,0)
4	2122	Kế toán quản trị	3 (2,1)
5	1242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)

VI. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ